

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN  
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF  
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

**Kính gửi:**

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company:*

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner

/ *IPA Partner Investment Fund Management Limited Company*

2. Tên Ngân hàng giám sát/*Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/*Securities code*: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/*ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/*Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: **12/05/2026**

7. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

**Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/**

**Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
<i>I.</i>	Chứng khoán/Stock	<b>1,383,045,000</b>	<b>95.11%</b>
1	ACB	2,100	3.29%
2	BID	200	0.57%
3	BSR	200	0.38%
4	BVH	100	0.44%
5	CII	300	0.41%
6	CTG	600	1.47%
7	DBC	100	0.15%
8	DCM	100	0.30%
9	DGC	100	0.33%
10	DGW	100	0.29%
11	DIG	400	0.40%
12	DPM	100	0.18%
13	DXG	400	0.43%
14	EIB	700	1.10%
15	EVF	400	0.37%
16	FPT	700	3.37%
17	FRT	100	0.95%
18	GAS	100	0.51%
19	GEX	300	0.70%
20	GMD	200	1.10%
21	GVR	100	0.24%

22	HAG	300	0.34%
23	HCM	300	0.57%
24	HDB	1,900	3.51%
25	HDG	100	0.17%
26	HHV	200	0.17%
27	HPG	2,000	3.71%
28	HSG	200	0.17%
29	KBC	300	0.67%
30	KDH	400	0.65%
31	LPB	1,400	5.08%
32	MBB	2,000	3.58%
33	MSB	1,100	1.02%
34	MSN	400	2.13%
35	MWG	500	2.87%
36	NAB	800	0.69%
37	NKG	200	0.19%
38	NLG	200	0.36%
39	NVL	700	0.81%
40	OCB	400	0.32%
41	PCI	100	0.13%
42	PDR	300	0.34%
43	PLX	100	0.25%
44	PNJ	100	0.48%
45	POW	300	0.29%
46	PVD	100	0.22%
47	PVT	100	0.16%
48	REE	100	0.42%
49	SAB	100	0.33%
50	SHB	1,800	1.75%
51	SSB	700	0.80%
52	SSI	800	1.56%
53	STB	900	4.47%
54	TCB	1,900	4.42%
55	TCH	300	0.34%
56	TPB	700	0.76%
57	VCB	500	2.07%
58	VCG	200	0.30%
59	VCI	400	0.71%
60	VHM	600	6.64%
61	VIB	1,100	1.21%
62	VIC	800	12.27%
63	VIX	1,400	1.86%
64	VJC	100	1.17%



65	VND	600	0.68%
66	VNM	400	1.67%
67	VPB	2,100	4.01%
68	VPL	100	0.61%
69	VRE	400	0.92%
70	VSC	200	0.31%
II.	Tiền/Cash (VND)	71,152,791	4.89%
III.	Tổng/Total	1,454,197,791	100.00%

**Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đổi/**

*Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:*

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND)	1,383,045,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	1,454,197,791
Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	71,152,791

**Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:**

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

**Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)**

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	22,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	41,500	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	70,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	79,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	26,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	83,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	69,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	61,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	33,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	15,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	27,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	16,450	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

Đại diện tổ chức/Organization Representative

Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thúy Lan

